

BUƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU Ý NGHĨA CỦA TỪ “THẤY” TRONG TÁC PHẨM CỦA NAM CAO

Lê Thị Bình¹

TÓM TẮT

Từ góc độ nghĩa, từ “thấy” trong tác phẩm của Nam Cao mang những nội dung, ý nghĩa khác nhau. Tính đa nghĩa của từ “thấy” hay hiện tượng đồng âm khác loại của từ “thấy” được Nam Cao vận dụng linh hoạt trong việc khai thác những khía cạnh tâm lý khác nhau của nhân vật trong tác phẩm.

Từ khóa: Từ “thấy”, nghĩa của từ, tính đa nghĩa.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ là đơn vị cơ bản của ngôn ngữ. Từ được nghiên cứu ở cả lĩnh vực Từ vựng học và Ngữ pháp học. Với ngữ pháp chức năng, một khuynh hướng nghiên cứu ngôn ngữ mới, hiện đại, từ (và các đơn vị ngôn ngữ khác) được nghiên cứu trên cả ba bình diện: ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng.

Trong thực tế sử dụng, những hiện tượng về từ như từ đa nghĩa, từ đồng âm là những hiện tượng thú vị cho thấy sự phong phú, đa dạng của từ tiếng Việt. Từ “thấy” là một hiện tượng như vậy. Từ “thấy” xuất hiện khá nhiều trong tác phẩm văn học (đặc biệt trong các sáng tác của nhà văn Nam Cao - một bậc thầy về sử dụng ngôn ngữ) song, chưa có công trình nào nghiên cứu sâu sắc, độc lập về hiện tượng ngôn ngữ này.

Trong các tác phẩm của Nam Cao, bên cạnh các hiện tượng về câu (như câu có đề ngữ, câu tồn tại), các hiện tượng về từ (như sử dụng với tần số cao các hư từ “thì, là, mà”, sử dụng từ xưng hô...), từ “thấy” xuất hiện khá nhiều cũng là một đặc điểm góp phần làm nên phong cách ngôn ngữ của nhà văn qua việc sử dụng từ.

2. NỘI DUNG

Theo Từ điển tiếng Việt (Viện Ngôn ngữ học, GS. Hoàng Phê chủ biên), từ “thấy” được giải thích như sau: “thấy **đ**g **1**. Nhận biết được bằng mắt nhìn. *Điều mắt thấy tai nghe. Nhìn trước nhìn sau, chẳng thấy ai. Tìm chưa thấy.* **2**. (thường dùng sau một số **đ**g). Nhận biết được bằng giác quan nói chung: *Ngửi thấy thơm. Nói nhỏ quá, không nghe thấy gì. Thấy động liền bỏ chạy.* **3**. Nhận ra được, biết được qua nhận thức. *Thấy được khuyết điểm. Phân tích cho thấy rõ vấn đề. Thấy bé thật thà, ai cũng mến. Tự thấy mình sai.* **4**. Có cảm giác, cảm thấy. *Thấy vui. Thấy khó chịu trong người*”. Với kết quả khảo sát bước đầu từ “thấy” trong tác phẩm của Nam Cao, bước đầu chúng tôi nhận diện một số ý nghĩa của từ “thấy” như sau.

¹ Giảng viên khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức

2.1. “Thấy” chỉ hoạt động nhận biết bằng mắt

Đối với giác quan là mắt, hoạt động vật lý của nó được diễn đạt bằng từ “nhìn/xem/trông”. Khi diễn đạt bằng từ “thấy” ý nghĩa đã có sự thay đổi về chất: chỉ sự nhận biết bắt nguồn từ hoạt động “nhìn/xem/trông” của mắt. Bởi thế, “thấy” trước hết gắn liền với “mắt” trong trường liên tưởng ngữ nghĩa, việc sử dụng từ “thấy” đã hàm ý chỉ đối tượng là “mắt”. Đối tượng này đã trở thành tiền giả định bách khoa trong tư duy của người sử dụng ngôn ngữ mà không cần phải xuất hiện. Thậm chí, nếu xuất hiện thì sự diễn đạt sẽ trở nên ngây ngô. Trong tác phẩm của Nam Cao, “thấy” (hoạt động nhận biết bằng mắt) xuất hiện khá nhiều. Đó có thể là “thấy” một đối tượng nào đó. Ví dụ:

(1) Thấy vợ con, anh nhếch miệng cổ gượng một cái cười méo xệch... [11; tr.21]

(2) Và chiều hôm ấy khi thấy con chó ở vườn thì chàng gần như mừng rỡ. [11; tr.33]

Hay “thấy” một sự việc nào đó. Ví dụ:

(3) Và họ thấy Chí Phèo lăn lộn dưới đất vừa kêu vừa lấy mảnh chai cào vào mặt. [11; tr.38]

(4) Chúng tôi đến nhà hấn thì thấy hấn đang nằm thườn trên một cái giường tre, chiếu rách và bẩn. [11; tr.170]

(5) Chị thấy từ đằng xa, bóng một người vác một cái khung cửi ngênh ngang chạy lại. [11; tr.209]

(6) Bữa ăn bà quản thấy hấn nhai bã mồm ra cũng chưa nuốt. [11; tr.388]

2.2. “Thấy” chỉ nhận biết nội tâm

Tất cả các cung bậc của cảm xúc, tất cả trạng thái của hoạt động nội tâm đều xuất hiện trong tác phẩm của Nam Cao. Nào là *vui, buồn, yêu, ghét, xót xa, ân hận, bồn chồn, lo lắng, sợ sệt, bức bối* hay *tiếc, uất ức, ghen ngào*... Từ “thấy” khi kết hợp với các động từ chỉ hoạt động nội tâm kể trên mang nét nghĩa nhận biết nội tâm, tâm lý của chính chủ thể mang nội tâm được nói đến trong câu. Các động từ chỉ hoạt động nội tâm có thể đứng ngay sau từ “thấy” với cấu trúc đơn giản (1 từ) hay phức tạp (1 cụm từ). Ví dụ:

(7) Chọn xong thị cũng thấy *tiếc* tiền. [11; tr.145]

(8) Từ thấy *sợ*... [11; tr.316]

(9) Bởi vì hấn thấy *cần* phải gặp Tiền. [11; tr.561]

(10) Hấn thấy *vừa vui vừa buồn*. [11; tr.64]

(11) Du thấy *bồn chồn* và *vẫn* vợ *thương*, *hối hận* hay là *thẹn*. [11; tr.33]

(12) Hấn thấy *nhục* hơn là *thích*, *huống* hồ lại *sợ*. [11; tr.65]

Ở các ví dụ (10,11,12), tác giả đã sử dụng cụm từ gồm nhiều động từ chỉ hoạt động nội tâm để diễn đạt những tâm trạng đan xen, giằng xé.

Các động từ chỉ hoạt động nội tâm cũng xuất hiện cùng với từ diễn tả tường minh trạng thái: “lòng” tạo thành một mệnh đề. Mệnh đề này xuất hiện ngay sau từ “thấy”. Ví dụ:

(13) Anh thấy *lòng chua xót*, nước mắt ràn ra hai bên má lõm. [11; tr.23]

(14) Du thấy *lòng cứng cỏi*. [11; tr.33]

(15) Người ta thấy lòng thư thối, trí óc thư thối... [11; tr.216]

(16) ... tôi thấy lòng nặng trĩu và tối sầm lại. [11; tr.218]

2.3. “Thấy” chỉ hoạt động nhận biết sinh lý

Từ “thấy” được sử dụng trong việc nhận biết một hoạt động sinh lý đơn thuần. Chẳng hạn, hai ví dụ sau nói về cái “đói” và cái “đau” như là trạng thái của cơ thể bà lão:

(17) Nhưng bà lão còn thấy đói [11; tr.274].

(18) Chỉ một lúc sau, bà đã thấy đau quần quéo, đau cuống cuống [11; tr.275].

Song, theo kết quả khảo sát, trong tác phẩm của Nam Cao, việc đưa ra nhận biết một hoạt động sinh lý đa số là để diễn đạt một hoạt động tâm lý. Đó là:

Tâm trạng sợ hãi: Tâm trạng sợ hãi được diễn đạt bằng hình ảnh vật lý “toát mồ hôi”. Ví dụ:

(19) Chàng thấy toát mồ hôi và nhất định không giết con chó nữa [11; tr.34].

Tâm trạng lo lắng, hồi hộp: Tâm trạng lo lắng, hồi hộp được diễn đạt bằng hình ảnh “tim đập mau thon thót” hay hình ảnh ẩn dụ “trống ngực đập”. Ví dụ:

(20) Tôi thấy tim đập mau thon thót [11; tr.78].

(21) Nó đã thấy trống ngực đập nhưng làm ra mạnh bạo... [11; tr.383]

Tâm trạng buồn chán, chán nản: Tâm trạng buồn chán của nhân vật được diễn đạt bằng những hình ảnh *miệng đắng ngắt, người mỏi mệt, tay chân rời rã*... Ví dụ:

(22) Hắn băng khuâng như tỉnh dậy, hắn thấy miệng đắng ngắt, lòng mơ hồ buồn. [11; tr.62]

(23) Hắn thấy người mỏi mệt, tay chân rời rã [11; 142].

Tâm trạng tức giận: Tâm trạng tức giận được diễn tả bằng một hoạt động sinh lý có tính biểu trưng cao như ví dụ sau:

(24) Hắn thấy máu đưa lên cổ [11; tr.369].

2.4. “Thấy” chỉ hoạt động đánh giá

Đánh giá là bày tỏ sự nhìn nhận của bản thân đối với chính mình hoặc đối với đối tượng khác từ những gì mình quan sát, nhận thức được. Bởi vậy, việc đánh giá ở đây có thể hướng tới bản thân (tự đánh giá) và hướng tới đối tượng khác, bên ngoài chủ thể đánh giá.

2.4.1. “Thấy” chỉ hoạt động tự đánh giá bản thân

Đánh giá bản thân là trường hợp người nói tự đánh giá mình. Người nói có thể tự đánh giá về vẻ bề ngoài (đánh giá hình thức) hoặc nội tâm bên trong (đánh giá về tinh thần).

Đánh giá về hình thức

(25) Thấy cái mặt nẻ không coi được, thị giầu giém mẹ gửi người ta mua giùm hộp sấp về để bôi. [11; tr.158]

Đánh giá về tinh thần

Đánh giá về vị thế, tầm vóc

(26) Và nghĩ thế, hắn thấy hắn cũng oai. [11; tr.40]

Trong ví dụ trên, nhân vật tự nhìn nhận, đánh giá về tầm vóc, vị thế oai oách của bản thân dù chỉ là huyền hoặc.

Đánh giá về tính cách

(27) Điền thấy mình ích kỷ. [11; tr.127]

Đánh giá về sự thay đổi, chuyển biến

(28) Tôi thấy chúng tôi thay đổi. [11; tr.77]

Đánh giá về ứng xử

(29) Anh thấy anh hy sinh vô lý... [11; tr.92]

Nhân vật “anh” trong ví dụ trên tự đánh giá mình đã ứng xử một cách vô nghĩa.

(30) Hàn đỏ mặt lên, hấn thấy hấn đã làm một việc quá buồn cười. [11; tr.244]

Nhân vật Hàn ở ví dụ trên vừa tự đánh giá mình vừa tỏ thái độ chê trách bản thân ngớ ngẩn.

Đánh giá về tính đúng - sai của một sự việc

Trong trường hợp này, chủ thể đánh giá đề cập đến tính đúng - sai của một sự việc mà mình có tham gia hoặc tạo ra nó.

(31) Hấn thấy hấn cố vườn là phải lắm. [11; tr.201]

Đánh giá trong sự so sánh

(32) Hấn cười khanh khách, bởi hấn thấy hấn không giống anh chàng ấy. [11; tr.135]

2.4.2. “Thấy” chỉ hoạt động đánh giá đối tượng khác

Đánh giá khái quát

Đánh giá chung chung, khái quát là sự đánh giá mang tính chất tổng thể, có thể từ một hành động, một trạng thái, một quan hệ hay một sự ứng xử. Ví dụ:

(33) Chí Phèo đứng lại nhìn, thấy lão cũng hay hay. [11; tr.54]

(34) Hấn thấy tất cả người uống rượu đều hay hay. [11; tr.54]

(35) Nó thấy cái trò chim chuột nhau cũng hay hay. [11; tr.521]

Đánh giá về hình thức

Những biểu hiện về ngoại hình của nhân vật là tiêu chí đánh giá trong trường hợp này. Đó có thể là hình thể, dáng vẻ hoặc chỉ là một nét nào đó trên khuôn mặt. Ví dụ:

(36) Tôi thấy chú gầy gò thế mà cứ viết suốt ngày, tôi lo cho chú lắm. [11; tr.213]

(37) Nó thấy cái mặt ngây ngây của Đức buồn cười quá. [11; tr.380]

(38) Sao tao thấy mặt mày lúc nào cũng đăm chiêu. [11; tr.523]

Đánh giá về tính cách

Những đặc điểm về tính cách của con người như thật thà, dễ dãi, hiền lành ở các ví dụ sau xuất hiện trong suy nghĩ của chủ thể đánh giá ở chủ ngữ. Khi đó, từ “thấy” mang ý nghĩa của một động từ biểu thị ý nghĩa đánh giá. Ví dụ:

(39) Thấy hấn thật thà, tôi ái ngại. [11; tr.169]

(40) Chúng thấy Nhu dễ dãi, nên cơm thường thường cứ ăn thừa... [11; tr.282]

(41) Thấy là người cũng hiền lành, vả nhà lại khá giàu, mụ bằng lòng. [11; tr.339]

Đánh giá về phẩm chất

Ví dụ:

(42) Và bây giờ người ta thấy vợ hắn rất chính chuyên mà lại trung thành. [11; tr.45](43) Người đàn bà đức hạnh, thấy cháu bà sao mà đĩ thế! [11; tr.67](44) Hắn thấy vợ hắn không tệ. [12; tr.63]*Đánh giá về khả năng, sức khỏe*

Ví dụ:

(45) Chưa thấy đưa vào để nuôi như thế ấy! [11; tr.374](46) Thấy hắn làm khỏe, họ thuê hắn làm. [11; tr.377]*Đánh giá về trạng thái*

Một số biểu hiện cụ thể của trạng thái như thể trạng (trạng thái thể chất) hay thái độ (trạng thái tinh thần) được thể hiện rõ trong các ví dụ sau:

(47) Tôi thấy nó ít lâu nay chậm chạp và ngơ ngẩn lắm... [12; tr.74](48) Bà quản Thích thấy Đức mấy hôm nay luôn luôn gắt gỏng. [11; tr.385](49) Hiền thấy thái độ của ông thật lạ lùng. [11; tr.523]*Đánh giá về ứng xử*

Ví dụ:

(50) Nhưng tôi cứ thấy nó có vẻ thù ghét tôi lắm lắm. [11; tr.172](51) Hắn thấy bà bệnh con dâu. [11; tr.368](52) Hắn thấy bà có ý khinh hắn là thằng tham tục. [11; tr.368](53) Thấy người ta nuông lại càng làm bộ! [11; tr.486]*Đánh giá về tính chất*(54) Nó thấy nhà tẻ ngắt ngơ. [11; tr.484]**2.5. “Thấy” chỉ sự cảm nhận**

Cảm nhận bao gồm cảm giác và nhận biết. Đây là sự pha trộn giữa hoạt động nội tâm và lí trí. Nó không rõ ràng là hoạt động nội tâm cũng không rõ là hoạt động lí tính. Bởi thế, phần cụ thể hóa sự cảm nhận được diễn đạt bằng từ “thấy” được thể hiện qua một mệnh đề tương đối hoàn chỉnh.

Ví dụ:

(55) Tỉnh dậy, hắn thấy hắn già mà vẫn cô độc. [11; tr.62](56) Cai thấy nó làm dữ, buông tay nó ra. [11; tr.486](57) Thấy Hiền vẫn chưa có vẻ nhớ ra, y nói toang toang ... [11; tr.526](58) Và hắn chợt thấy trong óc một chân trời vừa hé mở. [12; tr.29]**2.6. “Thấy” chỉ kết quả của một hoạt động**

Ngoài ý nghĩa biểu thị sự nhận biết bằng mắt như đã nói ở trên, “thấy” còn biểu thị sự nhận biết bằng một giác quan khác. Phong cách học gọi là ẩn dụ chuyển đổi cảm giác. Thực tế, cũng cần phân biệt hai trường hợp: (1) chỉ kết quả của một hoạt động khi “thấy” đi cùng và bổ sung ý nghĩa cho một động từ chỉ hoạt động “nghe thấy, tìm thấy, ngửi

thấy, nhận thấy”; (2) hoàn toàn chuyển đổi theo lối tu từ ẩn dụ khi không kết hợp với các động từ khác.

Ví dụ (trường hợp 1):

(59) Kẻ thì bảo hấn đi với cái Nhi; hấn tìm thấy thị lẫn lút đâu ngoài tỉnh và bàn nhau cùng đi Sài Gòn. [11; tr.389]

(60) Người ta nghe thấy những tiếng thờ dài dộc lên... [11; tr.261]

(61) Nhưng hấn chợt nghe thấy tiếng cười trong và tiếng cười của một người con gái. [11; tr.544]

Ví dụ (trường hợp 2):

(62) Tôi ở nhà binh Tư về được một lúc thì thấy tiếng nhón nháo ở bên nhà lão Hạc. [11; tr.301]

(63) Dân chưa tỉnh hấn ra, Dân đã thấy những tiếng gà gáy rất mong manh... [11; tr.345]

Đối với trường hợp sau, “thấy” lại giữ vai trò quan trọng về mặt nghĩa bởi những động từ đi trước (như *trông, nhìn*) có thể lược bỏ nhưng không lược bỏ được “thấy”.

(64) Em tôi chẳng còn trông thấy mặt tôi bao giờ. [11; tr.223]

(65) Hấn đã trông thấy cái thằng chồng của Tư rồi. [11; tr.241]

(66) Và đến lúc trông thấy cái mặt khá bi ối của chồng Tư, Hàn lại càng quả quyết thêm. [11; tr.242]

Ngoài ra, “thấy” trong các trường hợp sau được sử dụng với tư cách là một phó từ mang ý nghĩa chỉ kết quả của một hoạt động khác và dễ dàng thay “thấy” bằng “ra/ được”.

(67) Hấn nhận thấy sự thay đổi ấy, và bắt đầu hỏi hấn. [11; tr.250]

(68) Bà nhận thấy nó khác xa bố nó. [11; tr.372]

(69) Làm thế nào nhận thấy những nét táo tợn của người bố bốn mươi trên cái mặt bụi bặm của đứa con chưa đầy năm tháng. [11; tr.372]

3. KẾT LUẬN

Từ góc độ nghĩa, từ “thấy” trong tác phẩm của Nam Cao mang những nội dung, ý nghĩa khác nhau. “Thấy” chỉ hoạt động nhận thức của mắt hoặc các giác quan khác. “Thấy” chỉ sự đánh giá hay cảm nhận, hướng tới chủ thể hay một đối tượng khác. Đồng thời, “thấy” còn chỉ kết quả của một hoạt động được thực hiện bằng mắt. Tính đa nghĩa của từ “thấy” hay hiện tượng đồng âm khác loại của từ này được Nam Cao vận dụng linh hoạt trong việc khai thác những khía cạnh tâm lý khác nhau của nhân vật trong tác phẩm. Bài viết là kết quả bước đầu khi nghiên cứu từ “thấy” từ góc nhìn ngữ nghĩa: nghĩa từ vựng, nghĩa ngữ pháp. Bình diện ngữ dụng với nghĩa ngữ dụng cùng giá trị biểu đạt phong phú của nó sẽ tiếp tục được nghiên cứu ở các công trình tiếp sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Diệp Quang Ban (1998), *Ngữ pháp tiếng Việt*, tập 2, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Diệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Lê Biên (1995), *Từ loại tiếng Việt hiện đại*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.

- [4] Đỗ Hữu Châu (1981), *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [5] Đỗ Hữu Châu (2007), *Giáo trình Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Thiện Giáp (2010), *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [7] M.A.K Haliiday (2005), *Dẫn luận ngữ pháp chức năng* (Hoàng Văn Vân dịch), Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [8] Cao Xuân Hạo (2004), *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [9] Lý Toàn Thắng (2004), *Lý thuyết trật tự từ trong cú pháp*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [10] Bùi Minh Toán - Nguyễn Thị Lương (2008), *Giáo trình Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

NGUỒN NGŨ LIỆU

- [11] *Tuyển tập Nam Cao* (2005), tập 1, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [12] *Tuyển tập Nam Cao* (2005), tập 2, Nxb. Văn học, Hà Nội.

AN INITIAL STUDY OF THE WORD “THẤY” IN NAM CAO’S WRITINGS

Le Thi Binh

ABSTRACT

In terms of meaning, the word “thấy” in Nam Cao’s writings contains various implications. The polysemy or homonymy of the word “thấy” is flexibly applied by Nam Cao to clarify different psychological aspects of characters in his works.

Keywords: “Thấy”, word meaning, polysemy.